

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH TRÀ VINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 170/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 12 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**  
**KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 4374/TTr-UBND ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; trên cơ sở thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Thống nhất đề UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất lúa thực hiện: Tổng số 16 công trình, dự án với quy mô diện tích 901,23ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 507,18ha; tổng nhu cầu vốn giải phóng mặt bằng (GPMB) là 2.278.486 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Đăng ký mới: 08 công trình với tổng diện tích 366,87ha, trong đó: đất trồng lúa 238,63ha với nhu cầu vốn GPMB là 382.500 triệu đồng.

b) Điều chỉnh: 03 công trình, dự án với quy mô diện tích 189,10ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 93,27ha; nhu cầu vốn GPMB là 902.500 triệu đồng, các công trình, dự án này đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019, Nghị

quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019. Tuy nhiên, nay do địa phương điều chỉnh quy mô diện tích, số lượng công trình, dự án và địa điểm khu đất thực hiện dự án đầu tư cho phù hợp; nội dung điều chỉnh như sau:

- Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan: Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất lúa từ 8,65ha tăng lên 24,27ha.

- Đường Vành đai phía Đông thị trấn Tiểu Cần - xã Hiếu Tử: Điều chỉnh vị trí cấp xã so với Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 là đi qua các xã tại “Thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Tử” thành “Thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Tử, xã Phú Cần”.

- Nhà máy chế biến rau củ quả: Tổng hợp, điều chỉnh từ điểm 5 mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 (diện tích đất thu hồi là 10ha, trong đó đất trồng lúa 9,7ha và điểm 1 mục V Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019, diện tích đất thu hồi là 10,40ha, trong đó đất trồng lúa là 9,90ha).

c) Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 đăng ký chuyển tiếp trong năm 2020: 05 công trình, dự án, với quy mô diện tích 345,26ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 175,28ha, nhu cầu vốn GPMB là 993.486 triệu đồng.

2. Các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai: Tổng số 150 công trình, dự án; với tổng diện tích đất khoảng 2.283,9ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 61,61ha, đất rừng phòng hộ là 5,3ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng 13.837.520 triệu đồng, cụ thể:

- Đăng ký mới: Có 102 công trình, dự án; với quy mô diện tích khoảng 244,311ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 37,22ha và đất trồng rừng là 5,3ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng 7.636.282 triệu đồng.

- Điều chỉnh: Có 13 công trình, dự án; với quy mô diện tích khoảng 20,94ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 9,79ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng 61.782 triệu đồng.

- Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 đăng ký chuyển tiếp trong năm 2020: 35 công trình, dự án, với quy mô diện tích 2.018,65ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 14,6ha, nhu cầu vốn GPMB là 6.139.456 triệu đồng.

3. Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2020 không thuộc Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nhưng thuộc Điểm b, Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 22 công trình, dự án (đăng ký mới); với tổng diện tích đất chuyển mục đích sử dụng là 19,86ha; trong đó: đất trồng lúa 14,01ha, đất rừng 5,58ha.

4. Bãi bỏ 02 công trình, dự án được HĐND tỉnh thông qua Danh mục cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác, như sau:

- Bãi bỏ dự án Khu đô thị Tây Ao Bà Om đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 (tại mục VIII công trình liên huyện), với diện tích 256,83 ha (trong đó: đất trồng lúa 122ha); địa điểm tại huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh.

- Bãi bỏ dự án Khu Tổ hợp sản xuất, chế biến nông nghiệp cao Cổ Chiên, diện tích 50 ha (trong đó: đất trồng lúa 46ha) được HĐND thông qua tại Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019.

(Đính kèm Danh mục)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh tổ chức thực hiện; Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10/12/2019.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ: TN&MT, KH&ĐT, TC;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&ĐT, Tài chính, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Trí Dũng**



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**

(Kèm theo Nghị quyết số: 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyên mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:	Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn					
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ							
<b>A</b>	<b>Các công trình, dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Điểm a Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai</b>	<b>901,23</b>	<b>507,18</b>	<b>507,18</b>	<b>2.278.486,00</b>						
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án đăng ký mới</b>	<b>366,87</b>	<b>238,63</b>	<b>238,63</b>	<b>382.500,00</b>						
1	Khu chăn nuôi heo công nghệ cao	20,50	20,00	20,00	-	Doanh nghiệp	Xã Tân An	Doanh nghiệp	Nhu cầu của doanh nghiệp	Doanh nghiệp tự nhận chuyển quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	
2	Cụm công nghiệp Tân Bình	25,00	17,00	17,00	62.500,00	Ngân sách	Xã Tân Bình	UBND huyện Càng Long	- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ - Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh		
3	Khu dân cư mới Nam Quốc lộ 53 xã Nguyệt Hóa, xã Lương Hòa	47,02	19,04	19,04		Ngân sách tỉnh Vốn Doanh nghiệp	Xã Lương Hòa, xã Nguyệt Hóa				
4	Khu dân cư mới ấp Ba Se A, xã Lương Hòa	49,35	44,05	44,05							
5	Khu dân cư mới Tây Ao Bà Om, xã Lương Hòa	49,04	19,02	19,02							
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng xã Lương Hòa	17,50	14,25	14,25							
7	Khu công viên, cây xanh, thể dục, thể thao ngoài trời xã Lương Hòa	68,46	25,27	25,27							
8	Làng khoa học công nghệ quốc tế - khởi nghiệp xanh Trà Vinh	90,00	80,00	80,00	320.000,00	Ngân sách	huyện Tiểu Cần				
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh</b>	<b>189,10</b>	<b>93,27</b>	<b>93,27</b>	<b>902.500,00</b>						
1	Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan	110,50	24,27	24,27	331.500,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Cầu Quan		Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Đã có trong NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất lúa từ 8,65ha tăng lên 24,27ha	
2	Đường Vành đai phía Đông thị trấn Tiểu Cần - xã Hiếu Từ	58,20	49,40	49,40	530.000,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Tiểu Cần Xã Hiếu Từ Xã Phú Cần		- Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh - Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018; Công văn số 3101/UBND-KT v/v đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tác (PPP) trên địa bàn huyện Tiểu Cần	Đã có trong NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019: Điều chỉnh vị trí cấp xã so với nghị quyết số 127 là đi qua 3 xã tại "Thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Từ" thành "Thị trấn Tiểu Cần, Xã Hiếu Từ, xã Phú Cần"	

H

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Nhà máy chế biến rau củ quả	20,40	19,60	19,60		41.000,00	Ngân sách	Xã Bình Phú		Tổng hợp, điều chỉnh từ điểm 5 mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 (diện tích đất thu hồi là 10ha, trong đó đất trồng lúa 9,7ha và điểm 1 mục V Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019, diện tích đất thu hồi là 10,40ha, trong đó đất trồng lúa là 9,90ha)	
<b>III</b>	<b>Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 đăng ký chuyển tiếp trong năm 2020</b>	<b>345,26</b>	<b>175,28</b>	<b>175,28</b>		<b>993.486,00</b>					
1	Đường tránh Quốc lộ 53	21,76	20,50	20,50		152.320,00	Ngân sách	Phường 8, 9	SGTVT	HĐND đồng ý UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận CMĐ sử dụng đất	
2	Hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh	45,30	45,30	45,30		135.900,00	Ngân sách tỉnh	Phường 9	UBND TP	HĐND đồng ý UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận CMĐ sử dụng đất	
3	Cụm Công nghiệp Phú Cần, huyện Tiểu Cần	50,00	38,40	38,40		134.766,00	Ngân sách tỉnh	Xã Phú Cần	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016) Đã có trong NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016: Điều chỉnh tăng diện tích đất lúa từ 32,82ha thành 38,40ha. (Đã thu hồi năm 2019 là 10,5ha)	
4	Khu Công nghiệp Cổ Chiên	200,00	56,08	56,08		500.000,00	Ngân sách tỉnh	Xã Đại Phước	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016) Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	
5	Khu tái định cư và nhà ở khu CN Cổ Chiên	28,20	15,00	15,00		70.500,00	Ngân sách tỉnh	Xã Đại Phước	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016) Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	
<b>B</b>	<b>Các công trình, dự án trình HĐND tỉnh theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác</b>	<b>2.283,90</b>	<b>66,91</b>	<b>61,61</b>	<b>5,30</b>	<b>13.837.520,00</b>					
<b>B1</b>	<b>Công trình, dự án đăng ký mới: 102 công trình</b>	<b>244,31</b>	<b>42,52</b>	<b>37,22</b>	<b>5,30</b>	<b>7.636.282,00</b>					
<b>I</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>	<b>35,81</b>	<b>3,38</b>	<b>3,38</b>	<b>-</b>						
1	Khu dân cư chợ Ba Trường, thành phố Trà Vinh	8,24	2,00	2,00		49.440,00	Vốn tạo quỹ đất	Xã Long Đức	kêu gọi đầu tư	Nhu cầu địa phương	
2	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Hữu Nghĩa, thành phố Trà Vinh	5,43				60.000,00	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức	UBND TP	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/10/2019 của HĐND thành phố Trà Vinh	
3	Đường giao thông và hệ thống thoát nước phường 2, phường 7, thành phố Trà Vinh	0,40	0,40	0,40		15.000,00	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 10 tỷ, còn lại ngân sách thành phố	Phường 7	UBND TP	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 07/10/2019 của HĐND thành phố Trà Vinh	
4	Đường giao thông Thạch Thị Thanh phường 8, TPTV (đoạn còn lại)	0,03	0,03	0,03		700,00	Ngân sách	Phường 8	UBND TP	Nhu cầu địa phương	
5	Nâng cấp, mở rộng hẻm 338, đường Nguyễn Chí Thanh, phường 9	0,10				1.000,00	Ngân sách	Phường 9	UBND TP	Nhu cầu địa phương	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
6	Nâng cấp các tuyến hẻm trên địa bàn phường 1 thành phố Trà Vinh (Hẻm số 206 đường Phạm Ngũ Lão dài 600, chiều rộng 3m; Hẻm khóm 1: rộng 4m, dài 150m)	0,24				1.680,00	ngân sách	Phường 1	UBND TP	Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh	
7	Khu dịch vụ, thương mại, văn hóa, du lịch Ao Bà Om.	21,37	0,95	0,95	-		Ngân sách tỉnh Vốn Doanh nghiệp	Phường 8	Doanh nghiệp		
<b>II</b>	<b>Huyện Càng Long</b>	<b>2,87</b>	<b>0,82</b>	<b>0,82</b>		<b>21.319,00</b>					
1	Mở rộng trường Tiểu học B	0,04				80,00	Vốn ngân sách (sự nghiệp giáo dục)	An Trường A	Phòng giáo dục huyện Càng Long		Đang trình xin chủ trương
2	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp Cầu đường GTNT các xã Mỹ Cẩm, Đức Mỹ, Huyền Hội, Bình Phú và Thị trấn Càng Long huyện Càng Long	0,14	0,08	0,08		7.239,00	Ngân sách huyện	xã Huyền Hội	Ban QLDA ĐT XD KV	Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND huyện Càng Long	
3	Nâng cấp, mở rộng đường vào vùng nguyên liệu đừa áp 9A-Trung Kiên, xã An Trường A, huyện Càng Long	0,90	0,35	0,35		-	Vốn SME, vận động nhân dân hiến đất	An Trường A	UBND xã An Trường A	Công văn số 738/UBND-KT ngày 17/04/2019 của UBND huyện Càng Long	
4	Đường đal kênh Bà Sáu nối tiếp	0,10	0,06	0,06		-	Nguồn vốn nông thôn mới Vận động nhân dân hiến đất	Tân An	UBND xã Tân An	Nghị quyết 112/NQ-HĐND ngày 04/11/2019 của HĐND huyện	
5	Đường kết nối Quốc lộ 60 với 02 xã Nhị Long, xã Nhị Long Phú, huyện Càng Long	0,45				14.000,00	Ngân sách	Huyện Càng Long	Sở Giao thông - Vận tải	QĐ số 638/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND tỉnh	
6	Đường nhựa Phú Hòa từ bụi ngò gai đến kênh 3 xã	0,50	0,10	0,10		-	Ngân sách huyện, Vận động nhân dân hiến đất	Huyện Hội	Ban QLDA ĐT XD KV	Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 26/06/2018 của UBND huyện Càng Long	
7	Đê bao cánh đồng trên ấp Giồng Chùa xã Phương Thạnh	0,60	0,15	0,15		-	Nghị định số 35, Vận động nhân dân hiến đất	Phương Thạnh	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện	Số 868/UBND-KT ngày 04/05/2019 của UBND huyện	
8	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp Cầu đường GTNT các xã Mỹ Cẩm, Đức Mỹ, Huyền Hội, Bình Phú và Thị trấn Càng Long huyện Càng Long	0,14	0,08	0,08		-	Ngân sách huyện, Vận động nhân dân hiến đất	Huyện Hội	Ban QLDA ĐT XD KV	Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 26/06/2018 của UBND huyện Càng Long	
<b>III</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>	<b>11,60</b>	<b>9,96</b>	<b>9,96</b>		<b>6.532.879,00</b>					
1	Sân vận động xã Lương Hòa	0,78	0,78	0,78		1.500,00	Ngân sách	xã Lương Hòa	UBND xã Lương Hòa	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của huyện	
2	Sân vận động xã Mỹ Chánh	0,94	0,94	0,94		1.800,00	xây dựng NTM	xã Mỹ Chánh	UBND xã Mỹ Chánh		
3	Nhà văn hóa ấp Đa Hòa Nam	0,06	0,06	0,06		80,00	Ngân sách	xã Hòa Lợi	UBND xã Hòa Lợi	Công văn số 3751/UBND-NN ngày 13/11/2019 của UBND huyện	
4	Xây dựng Đường tránh cống Đa Lộc, thị trấn Châu Thành (đoạn từ QL 54 đến giáp đường 30/4)	3,33	1,69	1,69		26.500,00	Ngân sách	thị trấn Châu Thành	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	NQ số 154/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh	
5	Dự án đầu tư công trình chứa bùn nạo vét từ công trình vệ sinh trên địa bàn thành phố Trà Vinh (hạng mục san lấp mặt bằng đã được thực hiện trước thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư)	4,49	4,49	4,49		6.502.999,00	Ngân sách nhà nước	xã Lương Hòa	Sở Xây dựng	QĐ số 1107/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh	
6	Dự án Nhà máy cung cấp nước sạch Nguyệt Hóa, công suất 10.000m3/ngày đêm	2,00	2,00	2,00			kêu gọi tư đầu	xã Nguyệt Hóa	Đang lựa chọn nhà đầu tư	Thông báo số 69/TB-VP ngày 26/6/2019 của VPUBND tỉnh	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
<b>IV</b>	<b>Huyện Tiểu Cần</b>	<b>27,18</b>	<b>14,86</b>	<b>14,86</b>		<b>122.400,00</b>					
1	Bãi rác huyện Tiểu Cần	2,00	2,00	2,00		4.000,00	Ngân sách	Xã Hiếu Tử	UBND huyện	Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 21/8/2017 và Thông báo số 2139-TB/VPTU ngày 26/09/2019 của Văn phòng Tỉnh Ủy	Thực hiện các tiêu chí đô thị loại IV
2	Mở rộng Bãi rác Tập Ngãi	1,50	1,50	1,50		3.000,00	Ngân sách	Xã Tập Ngãi	UBND huyện		
3	Mở rộng Quảng trường huyện Tiểu Cần	0,02				600,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	UBND huyện		
4	Nhà hóa táng huyện Tiểu Cần	0,30	0,30	0,30		900,00	Ngân sách	Xã Phú Cản	UBND huyện		
5	Nhà tang lễ huyện Tiểu Cần	0,30				900,00	Ngân sách	Xã Phú Cản	UBND huyện		
6	Bến xe Tiểu Cần	1,00	1,00	1,00		3.000,00	Ngân sách	Phú Cản	UBND huyện		
7	Nhà máy xử lý nước thải	12,00				60.000,00	Xã hội hóa	thị trấn Tiểu Cần			
8	Nhà ở xã hội	9,50	9,50	9,50		50.000,00	Xã hội hóa	thị trấn Tiểu Cần			
9	Đường GTNT liên ấp Xóm Chòi - Ông Xây - Đại Sư (Giai đoạn 2)	0,56	0,56	0,56			Dân hiến đất	Xã Tập Ngãi		QĐ số 135/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 UBND Huyện	
<b>V</b>	<b>Thị xã Duyên Hải</b>	<b>83,40</b>				<b>28.500,00</b>					
1	Nhà máy điện gió Trung Nam Trà Vinh V3-6	60,00					Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hòa, xã Dân Thành	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam	Công văn số 649/019/CV/TNG ngày 30/9/2019	
2	Nhà máy điện gió Hưng Hải Trà Vinh V3-7	11,60				28.500,00	Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hòa, xã Dân Thành	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Hải	Công văn số 266/KHBT-NL ngày 30/9/2019	
3	Khu công nghiệp cảng và dịch vụ cảng Long Toàn	11,80					Doanh nghiệp	Xã Long Toàn			
<b>VI</b>	<b>Huyện Duyên Hải</b>	<b>62,55</b>	<b>6,58</b>	<b>1,28</b>	<b>5,30</b>	<b>54.560,00</b>					
1	Nhà máy điện gió V3-8	6,10					Doanh nghiệp	Xã Hiệp Thạnh		Công văn số 2901/UBND-CNXD ngày 01/8/2019	
2	Nhà máy điện gió V3-2	5,50					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải			
3	Nhà máy điện gió V3-3	5,50					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải			
4	Nhà máy điện gió V1-7	5,10					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải			
5	Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 (V1-7), Đông Thành 2 (V3-4)	12,70	5,30		5,30	13.760,00	Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Công ty TNHH Thái Hòa	Công văn số 164/2019/CV-TH ngày 04/10/2019 Công văn số 196/2019/CV-TH ngày 28/10/2019 của Công ty TNHH Thái Hòa	
6	Nâng cấp Đường tỉnh 914	24,43				36.645,00	NS tỉnh	Xã Ngũ Lạc	Sở GTVT	QĐ số 726/QĐ-UBND ngày 03/5/2019	
7	Cầu GTNT kênh T11	0,02	0,02	0,02		30,00	Dự án Ailen	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND huyện	
8	Cầu GTNT Thốt Lốt - Rọ Say	0,02	0,02	0,02		30,00	NTM	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện	
9	Đường nhựa Thốt Lốt 4	0,10	0,10	0,10		150,00	NTM	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện	
10	Nâng cấp, sửa chữa đường ấp Trà Khùp	0,45				675,00	NTM	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện	
11	Đường nội đồng Kênh T11 (nối tiếp)	0,10	0,10	0,10		150,00	Dự án Ailen	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND huyện	
12	Đường nhựa giồng Ông Cúc 1	0,40	0,40	0,40		600,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện	
13	Đường nhựa Thốt Lốt 5	0,20	0,10	0,10		300,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện	
14	Đường nội đồng Giồng Nổi ấp Sóc Ốt	0,06	0,06	0,06		90,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND huyện	

7

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
15	Đường nhựa ấp Đường Liểu	0,10				150,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	BQL huyện	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND huyện	
16	Đường nhựa (Công trình 773), ấp Đường Liểu	0,10				150,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	BQL huyện	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND huyện	
17	Khu vui chơi giải trí	0,20				300,00	NTM	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
18	Đường đat ấp Lộ Sỏi B1 (giai đoạn 2)	0,12	0,12	0,12			Dẫn hiến đất	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
19	Đường đat ấp Lộ Sỏi B2	0,13	0,13	0,13			Dẫn hiến đất	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
20	Đường đat ấp Bà Giã A	0,20	0,20	0,20			Dẫn hiến đất	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
21	Đường nhựa Xóm Tô - Giồng Vôi	0,06	0,03	0,03		90,00	NS huyện	Xã Đôn Xuân	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
22	Đường nhựa Cồn Nhân	0,48				720,00	NS huyện	Xã Đông Hải	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
23	Đường nhựa từ Đê Hải Thành Hòa đến giáp đường Tô hợp	0,48				720,00	NS huyện	Xã Đông Hải	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
<b>VII</b>	<b>Huyện Trà Cú</b>	<b>0,57</b>				<b>14.360,00</b>					
1	Cầu bê tông cốt thép kênh 1 ấp Chợ Dưới	0,01				30	NS huyện	Xã Phước Hưng			
2	Cầu bê tông cốt thép kênh 2 ấp Chợ	0,01				30	NS huyện	Xã Phước Hưng			
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Cây Da	0,02				40	NS huyện	Xã Đại An	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
3	Nhà văn hóa ấp Bà Tây A	0,01				20	NS huyện	Xã Tập Sơn	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
5	Nhà văn hóa ấp Cây Da	0,02				40	NS huyện	Xã Tập Sơn	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
6	Nhà văn hóa ấp Con Lốp	0,02				40	NS huyện	Xã Tân Hiệp	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
7	Nhà văn hóa ấp Ba Trạch A	0,02				40	NS huyện	Xã Tân Hiệp	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
8	Nhà văn hóa ấp Ba Trạch B	0,02				40	NS huyện	Xã Tân Hiệp	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
9	Nhà văn hóa ấp Bến Nổ	0,02				40	NS huyện	Xã Tân Hiệp	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
10	Nhà văn hóa ấp Chợ	0,02				40	NS huyện	Xã Phước Hưng	UBND huyện	Nhu cầu địa phương	
11	Công trình xây dựng cầu Leng trên đường huyện 27 (thuộc xây dựng cầu Leng, cầu Thanh Sơn và cầu Sóc Trà trên địa bàn huyện Trà Cú)	0,40				14.000,00	Ngân sách tỉnh	xã An Quảng Hữu	Sở Giao thông - Vận tải	QĐ số 2300/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh QĐ số 679/QĐ-UBND, ngày 22/9/2019 của UBND tỉnh	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Cầu Kè</b>	<b>2,37</b>				<b>123.640,00</b>					
1	Nâng cấp Đường huyện 32, huyện Cầu Kè	0,32				57.000,00	Ngân sách	huyện Cầu Kè	Sở Giao thông - Vận tải	NQ số 121/NQ-HĐND ngày 12/4/2019	
2	Xây dựng cầu ấp II trên đường huyện 08, cầu Cây Trôm trên đường huyện 19 và cầu Bến Lộ trên đường huyện 51 (thuộc dự án đầu tư mới và nâng cấp các cầu yếu trên các tuyến giao thông đầu mối kết nối liên vùng, huyện Cầu Ngang, Càng Long, Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)	0,30				18.971,00	Ngân sách	Xã Phong Thạnh, xã Phong Phú	Sở Giao thông - Vận tải	QĐ số 678/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh	
3	Nâng cấp sửa chữa cầu Đâu Giồng, cầu ấp III trên đường Huyện 51	0,11				11.300,00	Ngân sách	Xã Phong Phú	Sở Giao thông - Vận tải	QĐ số 678/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh	
4	Nâng cấp, sửa chữa cầu Bà My, Cầu Bưng Lớn, cầu Đâu Giồng đường Huyện 32	0,70				9.269,00	Ngân sách	Xã Tam Ngãi	Sở giao thông vận tải	QĐ số 1514/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của UBND tỉnh	

8

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
5	Cầu Duyên Hội	0,10				3.200,00	Vay vốn ngân hàng thế giới WB và vốn đối ứng của địa phương	Xã Phong Thạnh	Sở giao thông vận tải	QĐ số 3885/QĐ-TCĐBVN ngày 11/10/2018	
6	Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh, tính Trà Vinh phục vụ sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu (Công C1, C3)	0,59				3.300,00	Ngân sách trung ương và địa phương	Xã An Phú Tân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	QĐ số 2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh	
7	Xây dựng đường dẫn, cầu dẫn bên phá xã Ninh Thới (69,5x14)	0,10				10.600,00	Ngân sách	Xã Ninh Thới	Sở giao thông vận tải		
8	Xây dựng đường dẫn, cầu dẫn bên phá ấp Dinh An, xã An Phú Tân	0,15				10.000,00	Ngân sách	Xã An Phú Tân	Sở giao thông vận tải		
<b>IX</b>	<b>Huyện Cầu Ngang</b>	<b>9,19</b>	<b>5,57</b>	<b>5,57</b>		<b>7.169,00</b>					
1	Mở rộng Trường tiểu học Hiệp Mỹ Tây B	0,30				450,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Tây	Ban QLDA huyện	Nhu cầu ngành	
2	Xây dựng mới sân vận động thị trấn Mỹ Long	1,03	0,46	0,46		3.600,00	Ngân sách	TT. Mỹ Long	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
3	Công trình 2 bên bờ kè (đi dân khẩn cấp vùng sạt lở TT. Cầu Ngang và xã Thuận Hòa)	0,05				869,00	Ngân sách TW và địa phương	TT. Cầu Ngang	Ban QLDA huyện	QĐ 870/QĐ UBND (20/5/2019)	
4	Đường xóm chòi trên (dài: 1057m, rộng 2,5m)	2,64	2,11	2,11			Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
5	Đường đất kênh cấp II (dài: 690m, rộng 2,5m)	1,73	1,73	1,73			Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
6	Đường đất Cà Tum B (Tập Đoàn 13) (dài: 550m, rộng: 2,5m)	0,14	0,12	0,12			Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
7	Đường từ hương lộ 19 ra cầu Nhân Ái ấp Sóc Hoàng (dài 800m, rộng 3m)	0,12	0,08	0,08			Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
8	Đường số 18	0,24	0,20	0,20			Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
9	Tuyến từ Hương lộ 35 tới Bàu Sen (dài 400m, rộng 4m)	0,08	0,04	0,04			Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
10	Đường từ trạm y tế Mỹ Hòa đến nhà Hai Tuấn gần chùa (dài 1200m, rộng 3m)	0,36	0,13	0,13			Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
11	Đường nhựa kênh 4 đến kênh 5 (dài 520m, rộng 3m)	0,11	0,02	0,02			Dân hiến đất	Xã Trường Thọ	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
12	Đường nhựa từ Hương lộ 17 đến nhà Ông Năm Keo (dài 500m, rộng 3m)	0,15	0,05	0,05			Dân hiến đất	Xã Trường Thọ	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
13	Đường nhựa nhà Ông Ưt Nân (dài 250m, rộng 3m)	0,08	0,01	0,01			Dân hiến đất	Xã Trường Thọ	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
14	Cầu Cán Nom (dài 30m, rộng 3m)	0,01	0,01	0,01			Dân hiến đất	Xã Trường Thọ	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
15	Đường Nhựa Ra đồng ngô nhà Châmpa (dài 850m, rộng 3m)	0,10	0,07	0,07			Dân hiến đất	Xã Thuận Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
16	Đường đal cặp kênh T2	0,12	0,08	0,08			Dân hiến đất	Xã Thuận Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
17	Đường nhựa ra đồng sau kênh N5 ấp Nô Công (dài 650m, rộng 3m)	0,12	0,08	0,08			Dân hiến đất	Xã Thuận Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
18	Đường Đal Nối Khu II- Đường Bãi Rác (dài 450m, rộng 2,5m)	0,11	0,03	0,03			Dân hiến đất	Xã Thuận Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
19	Đường đal liên ấp Kim Hòa - Ấp Giữa	0,20	0,10	0,10			Dân hiến đất	Xã Kim Hòa	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
20	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã Trên	0,25	0,25	0,25		375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
21	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã	0,25				375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
22	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã Bên	0,25				375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
23	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Rạch	0,25				375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	

9

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
24	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Khúc Ngay	0,25				375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
25	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,25				375,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
X	<b>Công trình liên huyện</b>	<b>8,78</b>	<b>1,35</b>	<b>1,35</b>		<b>731.455,00</b>					
1	Đường dẫn vào cầu đé Kết nối dự án LRAMP (Dự án thành phần bổ sung): - Đường dẫn vào cầu áp Nguyệt Lăng A: Diện tích 0,42ha (đất lúa 0,30ha). - Đường dẫn vào cầu áp Kinh A: Diện tích 0,41ha (đất lúa 0,26ha). - Địa bàn huyện Tiểu Cần: 1,72ha, trong đó có 0,53ha đất trồng lúa. - Địa bàn huyện Châu Thành: diện tích 0,399ha. - Địa bàn huyện Trà Cú: Diện tích 0,62ha. - Địa bàn huyện Duyên Hải: Diện tích 0,62ha	4,18	1,35	1,35		32.000,00	Ngân sách tỉnh	Xã Bình Phú; Huyện Hối, huyện Càng Long Xã Long Thới, xã Hiếu Từ, xã Tập Ngãi, xã Phú Cản, huyện Tiểu Cần Huyện Châu Thành Huyện Trà Cú Thành phố Trà Vinh	Sở Giao thông - Vận tải	QĐ số 1667/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh	
2	Đường tỉnh 915B đoạn từ Cầu Long Bình 3 đến xã Hiệp Thành (từ Km 10+258 đến Km48+936,6), tỉnh Trà Vinh	4,60				699.455,00	Ngân sách tỉnh	Các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang và TX. Duyên Hải	Sở Giao thông - Vận tải	Công văn số 103/HĐND ngày 14/4/2017 của HĐND tỉnh	
B2	<b>Công trình, dự án đăng ký điều chỉnh: 13 công trình</b>	<b>20,94</b>	<b>9,79</b>	<b>9,79</b>		<b>61.782,00</b>					
I	<b>Huyện Châu Thành</b>	<b>2,37</b>	<b>2,13</b>	<b>2,13</b>		<b>6.100,00</b>					
1	Sân vận động xã Song Lộc	0,78	0,78	0,78		4.000,00	xây dựng NTM	xã Song Lộc	UBND xã Song Lộc		Đã có tại NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019. - Điều chỉnh diện tích từ 0,42 ha (đất lúa) thành diện tích 0,78 ha (đất lúa). - Điều chỉnh mức vốn từ 800 triệu thành 4 tỷ. Lý do: Huyện xác định lại diện tích theo tiêu chí NTM
2	Sân vận động xã Thanh Mỹ	1,05	1,05	1,05		1.500,00	xây dựng NTM	xã Thanh Mỹ	UBND xã Thanh Mỹ		Đã có tại NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018. - Điều chỉnh diện tích từ 0,68 ha (đất lúa 0,02 ha) thành diện tích 1,05 ha (đất lúa). - Điều chỉnh địa điểm quy hoạch. Lý do: Huyện xác định lại diện tích theo tiêu chí NTM
3	Nghĩa trang nhân dân xã Thanh Mỹ	0,54	0,30	0,3		600,00	xây dựng NTM	xã Thanh Mỹ	UBND xã Thanh Mỹ		Đã có tại NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018. - Điều chỉnh diện tích từ 0,5 ha (đất lúa) thành diện tích 0,54 ha (đất lúa 0,30 ha). - Điều chỉnh địa điểm quy hoạch. Lý do: Người dân không thống nhất địa điểm quy hoạch
II	<b>Huyện Càng Long</b>	<b>3,24</b>	<b>2,71</b>	<b>2,71</b>		<b>4.292,00</b>					
1	Đường nhựa liên xã Đại Phúc-Phương Thạnh	0,90	0,90	0,90		-	Dân hiến đất	xã Đại Phúc; Phường Thạnh	Sở giao thông và vận tải	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh	Đã có trong NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019: Điều chỉnh tên dự án "Đường nhựa liên xã Đại Phước-Phương Thạnh" thành "Đường nhựa liên xã Đại Phúc-Phương Thạnh" đi qua xã Đại Phúc, xã Phương Thạnh

10

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở Pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:	Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn					
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
2	Mở rộng trạm cấp nước Huyện Hội	0,03				792,00	Ngân sách	xã Huyện Hội	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh	Đã có NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018: Điều chỉnh diện tích giảm từ 0,3ha thành 0,03ha
3	Đường GTNT ấp số 2, xã Mỹ Cẩm	1,11	0,91	0,91		3.500,00	Ngân sách tỉnh	Thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm	Ban QLDA ĐT XD KV	Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh QĐ số 2200/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND tỉnh	Đã có trong Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019: Điều chỉnh vị trí đi qua địa bàn thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm và tăng diện tích lên 1,11ha so với Nghị quyết 156/NQ-HĐND là 0,91ha
4	Đường GTNT ấp số 7, xã Mỹ Cẩm	1,20	0,90	0,90			Ngân sách tỉnh	Thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm	Ban QLDA ĐT XD KV	- Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh Trà Vinh - QĐ số 2175/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của UBND tỉnh	Đã có trong Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019: Điều chỉnh vị trí đi qua địa bàn thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm và tăng diện tích lên 1,20ha so với Nghị quyết 156/NQ-HĐND là 0,90ha
<b>III</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>	<b>1,70</b>				<b>9.650,00</b>					
1	Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Đình Liệu (đoạn Vòng Xoay đường 30/4 đến ngã ba đường Bạch Đằng - Vũ Đình Liệu)	1,20				8.400,00	Ngân sách	Xã Long Đức	UBND TPTV	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh	Đã có NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018: Điều chỉnh tên từ Mở rộng đường Vũ Đình Liệu thành Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Đình Liệu (đoạn Vòng Xoay đường 30/4 đến ngã ba đường Bạch Đằng - Vũ Đình Liệu)
2	Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực Cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	0,50				1.250,00	Ngân sách	Xã Long Đức	Sở NN&PTNT	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Trà Vinh	Đã có NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018: - Điều chỉnh tên từ Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên thành Kè chống sạt lở bờ sông Cổ Chiên khu vực Cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh. - Điều chỉnh Chủ đầu tư từ UBND TPTV thành Sở NN&PTNT
<b>IV</b>	<b>Huyện Cầu Ngang</b>	<b>10,50</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>		<b>40.500,00</b>					
1	Xây dựng mới sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	1,00				2.500,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	Nhu cầu địa phương	Đã có trong NQ 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017: Điều chỉnh giảm diện tích từ 1,4ha (đất lúa) thành 1,0ha (không có lúa); điều chỉnh giảm số tiền từ 4,200 triệu đồng thành 2,500 triệu đồng. Lý do: Nhu cầu của địa phương
2	Khu dân cư Hiệp Mỹ Tây	9,50	2,00	2,00		38.000,00	Ngân sách (nguồn cho thuê đất)	Xã Hiệp Mỹ Tây	UBND huyện	Thu hút đầu tư	Đã có trong NQ 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019: Điều chỉnh giảm diện tích đất lúa từ 9,5ha thành 2,0ha đất lúa; Điều chỉnh giảm nhu cầu vốn GPMB từ 47.000 triệu đồng thành 38.000 triệu đồng Lý do: Theo đăng ký nhu cầu của địa phương
<b>V</b>	<b>Huyện Trà Cú</b>	<b>0,33</b>	<b>0,15</b>	<b>0,15</b>		<b>1.240,00</b>					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Đường nhựa khóm 7 qua QL53 (đường tránh) đường số 7	0,33	0,15	0,15		1.240	Ngân sách huyện	TT. Trà Cú	UBND huyện	4208/QĐ-UBND, ngày 28/10/2019	Đã có trong NQ 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2019; Điều chỉnh tăng nhu cầu nguồn vốn từ 495 triệu đồng thành 1,240 triệu đồng.
<b>VI</b>	<b>Công trình liên huyện</b>	<b>2,80</b>	<b>2,80</b>	<b>2,80</b>							
1	Nạo vét hệ thống kênh trụ và xây dựng công trình điều tiết trên kênh tỉnh Trà Vinh	2,80	2,80	2,80			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xã Phước Hưng, huyện Trà Cú; xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè	QĐ số 2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 07/12/2016	Đã có trong NQ số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019; Điều chỉnh diện tích từ 1,63ha thành 2,80ha (đất trồng lúa).
<b>B3</b>	<b>Công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 25/ NQ-HĐND ngày 08/12/2016 đăng ký chuyển tiếp trong năm 2020: 35 công trình</b>	<b>2.018,65</b>	<b>14,60</b>	<b>14,60</b>		<b>6.139.456,00</b>					
<b>I</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>	<b>46,03</b>	<b>13,47</b>	<b>13,47</b>		<b>281.175,00</b>					
1	Tuyến đường Ngô Quyền nối dài	14,3				85.800,00	Sử dụng quỹ đất tạo vốn	Phường 1, 4	UBND TP		
2	Tuyến đường B, phường 7, TPTV (điểm đầu giáp đường vành đai, điểm cuối giáp đường Phan Đình Phùng)	0,86				6.020,00	Ngân sách	Phường 7	UBND TP		
3	Tuyến đường F, phường 7, TPTV (điểm đầu giáp đường Kiên Thị Nhân, điểm cuối giáp đường Phan Đình Phùng)	0,26				1.820,00	Ngân sách	Phường 7	UBND TP		
4	Tuyến đường Trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh (điểm đầu giáp đường vành đai, điểm cuối giáp đường Đồng Khởi nối dài)-N15	12,90	1,00	1,00		100.000,00	Ngân sách	Phường 7, 9	UBND TP		
5	Xây dựng tuyến số 2 (N17)	3,09	2,70	2,70		18.540,00	Sử dụng quỹ đất tạo vốn	Phường 7, 8, 9	UBND TP		
6	Xây dựng tuyến số 3 (N13)	6,37	5,80	5,80		44.590,00	Ngân sách	Phường 6, 7, 9	UBND TP		
7	Chợ Sóc ruộng	0,35				2.450,00	Ngân sách TP	xã Long Đức	UBND TP		
8	Chợ Ba Trường	0,2	0,17	0,17		1.000,00	Ngân sách	xã Long Đức	UBND TP		
9	Chợ phường 2, 7	0,39				2.730,00	Ngân sách	Phường 2, 7	UBND TP		
10	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nông thôn ấp Sa Bình - Phú Hòa	0,25	0,20	0,20		625,00	Ngân sách	xã Long Đức	UBND TP		
11	Đường vào Hoa viên Nghĩa trang nhân dân phường 9	7,06	3,60	3,60		17.600,00	Ngân sách	Phường 9	UBND TP		
<b>II</b>	<b>Huyện Tiểu Cần</b>	<b>1,13</b>	<b>0,27</b>	<b>0,27</b>		<b>20,00</b>					
1	Đường GTNT khóm 5, thị trấn Tiểu Cần	1,12	0,27	0,27			Dân hiến đất	Thị trấn Tiểu Cần		NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
2	Nhà văn hóa ấp 6, xã Tân Hùng	0,01				20,00	NS huyện	Xã Tân Hùng		NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
<b>III</b>	<b>Huyện Càng Long</b>	<b>0,21</b>				<b>900,00</b>					
1	Chốt Kiểm dịch động vật Cầu Cổ Chiến	0,01				300,00	Ngân sách	Xã Đại Phước		NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016
2	Mở rộng Trạm cấp nước	0,20				600,00	Ngân sách tỉnh	Xã Bình Phú	Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016
<b>IV</b>	<b>Thị xã Duyên Hải</b>	<b>521,00</b>				<b>1.563.000,00</b>					
1	Tuyến đường số 03 Khu kinh tế Định An	20,00				60.000,00	Ngân sách	xã Long Toàn		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
2	Dự án xây dựng hạ tầng Khu phi thuế quan (Khu kinh tế Đình An)	501,00				1.503.000,00	Ngân sách	xã Long Toàn		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
<b>V</b>	<b>Huyện Duyên Hải</b>	<b>1.373,32</b>				<b>4.052.061,00</b>					
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc	305,00				812.220,00	Ngân sách	xã Ngũ Lạc, Long Khánh		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Đã có trong NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016: Điều chỉnh diện tích tăng từ 270,74ha thành 305ha
2	Dự án hạ tầng Khu công nghiệp Ngũ Lạc	936,00				2.808.000,00	Ngân sách TW	xã Ngũ Lạc, Đôn Châu		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
3	Tuyến đường số 04 Khu kinh tế Đình An	8,12				24.360,00	Ngân sách TW	xã Long Khánh, xã Ngũ Lạc		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
4	Tuyến đường số 05 Khu kinh tế Đình An	23,20				104.481,00	Ngân sách TW	Xã Đôn Châu, xã Ngũ Lạc		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	Đã có trong NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016: Điều chỉnh diện tích tăng từ 21ha thành 23,20ha; tăng nguồn vốn từ 63,000 triệu đồng thành 104,481 triệu đồng
5	Dự án xây dựng hạ tầng Khu kho ngoại quan	101,00				303.000,00	Ngân sách TW	Xã Đôn Xuân, Đôn Châu		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
<b>VI</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>	<b>0,25</b>				<b>750,00</b>					
1	Kho bạc Nhà nước huyện	0,25				750,00	Ngân sách TW	Thị trấn Châu Thành			
<b>VII</b>	<b>Huyện Cầu Ngang</b>	<b>1,12</b>	<b>0,82</b>	<b>0,82</b>		<b>4.640,00</b>					
1	Đường dây 110KV (Nhà máy điện gió Hiệp Thành - Trạm 110KV Cầu Ngang)	0,62	0,62	0,62		1.920,00	DN ứng trước	Xã Mỹ Long Nam, xã Hiệp Mỹ Đông, xã Long Sơn	Công ty CP NL tái tạo Ecotech	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	Đã có trong NQ 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016: Điều chỉnh giảm diện tích từ 0,64ha thành 0,62 ha; Điều chỉnh vị trí từ xã Long Sơn thành các xã: Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Long Sơn.
2	Xây dựng mới chợ Mỹ Hòa (Áp Cẩm Hương)	0,30	0,20	0,20		900,00	Ngân sách	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
3	Mở rộng Hương Lộ 19 (khoảng 1 km)	0,20				1.820,00	Ngân sách	TT. Mỹ Long	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
<b>VIII</b>	<b>Huyện Cầu Kè</b>	<b>50,49</b>	<b>0,04</b>	<b>0,04</b>		<b>161.730,00</b>					
1	Tuyến D7	0,38	0,02	0,02		11.400,00	Ngân sách	TT. Cầu Kè	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
2	Tuyến D8	0,57				1.710,00	Ngân sách	TT. Cầu Kè	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
3	Tuyến D17	0,84				2.520,00	Ngân sách	TT. Cầu Kè	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
4	Tuyến N7	0,14				420,00	Ngân sách	TT. Cầu Kè	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
5	Tuyến bổ sung	0,32				960,00	Ngân sách	TT. Cầu Kè	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
6	Đường nhựa để bao lúa cá	0,24	0,02	0,02		720,00	Ngân sách	Xã Thông Hòa	UBND huyện	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
7	Khu du lịch sinh thái Cồn Tân Quy	48,00				144.000,00	Ngân sách	Xã An Phú Tân	UBND tỉnh	NQ 25/NQ-HĐND (08/12/2016)	
<b>IX</b>	<b>Huyện Trà Cú</b>	<b>0,10</b>				<b>180,00</b>					
1	Xây dựng trạm y tế xã Kim Sơn	0,10				180	Ngân sách huyện	Xã Kim Sơn	UBND huyện	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
<b>X</b>	<b>Công trình liên huyện</b>	<b>25,00</b>				<b>75.000</b>					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Cầu Quan giai đoạn 1 (130 ha)	25,00				75.000,00	Ngân sách	T.T. Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, xã Ninh Thới, huyện		Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016	
<b>C</b>	<b>Các công trình, dự án không thuộc Khoản 3 Điều 62 Luật Đất nhưng phải trình HĐND tỉnh chấp thuận cho phép CMĐ đất trồng lúa... theo Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai: 22 công trình</b>										
<b>C1</b>	<b>Dự án đăng ký mới</b>		<b>19,86</b>	<b>14,01</b>	<b>5,85</b>						
<b>I</b>	<b>Thành phố Trà Vinh</b>		<b>3,50</b>	<b>3,50</b>							
1	Khu nhà ở thương mại phường 5, thành phố Trà Vinh		3,10	3,10			Vốn tạo quỹ đất	Phường 5	kêu gọi đầu tư	Nhu cầu địa phương	
2	Cây xăng Phước Toàn		0,03	0,03			DNTN	Phường 8	Doanh nghiệp	Nhu cầu Doanh nghiệp	
3	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Minh Đức		0,09	0,09			DNTN	Xã Long Đức	Doanh nghiệp	QĐ số 2593/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND tỉnh	
4	Cửa hàng xăng dầu phường 4		0,04	0,04			DNTN	Phường 4	Doanh nghiệp	QĐ số 519/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh	
5	Cửa hàng xăng dầu Ao Vuông		0,03	0,03			DNTN	Phường 8	Doanh nghiệp	QĐ số 1115/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh	
6	Cửa hàng xăng dầu Bạch Đằng		0,04	0,04			DNTN	Phường 4	Doanh nghiệp	QĐ số 1116/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh	
7	Cửa hàng xăng dầu số 1		0,09	0,09			DNTN	Phường 7	Doanh nghiệp	QĐ số 1539/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh	
8	Trạm xăng dầu Tân Thanh Thủy		0,08	0,08			DNTN	Phường 8	Doanh nghiệp	QĐ số 793/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>		<b>0,21</b>	<b>0,21</b>							
1	Cửa hàng xăng dầu Nguyệt Hóa		0,15	0,15			Vốn Doanh nghiệp	xã Nguyệt Hóa	Công ty TNHH MTV xăng dầu Trà Vinh	UBND huyện thống nhất tại CV số 1874/UBND-KT ngày 14/6/2019	
2	Cửa hàng xăng dầu Bội Ngọc Trà Đét		0,06	0,06			Vốn Doanh nghiệp	xã Nguyệt Hóa	Công ty TNHH MTV Bội Ngọc	UBND huyện thống nhất tại CV số 3372/UBND-KT ngày 17/10/2019	
<b>III</b>	<b>Huyện Càng Long</b>		<b>4,47</b>	<b>4,47</b>							
1	Bán đồ trang trí nội thất và vật liệu xây dựng		0,02	0,02			Doanh nghiệp	Nhị Long	Doanh nghiệp		
2	Xưởng may mặc (Áo sơ mi, áo pholô, áo jacket, ba lô túi xách, ô dù, nón, thú nhồi bông, giày dép vải,...)		4,28	4,28			Doanh nghiệp	Bình Phú	Doanh nghiệp		
3	Cty TNHH TM-DV Vạn Phát Thành		0,17	0,17			Doanh nghiệp	Phương Thanh	Doanh nghiệp		
<b>IV</b>	<b>Huyện Tiểu Cần</b>		<b>0,26</b>	<b>0,26</b>							
1	Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Cần		0,05	0,05			Doanh nghiệp	Xã Phú Cần	Doanh nghiệp		
2	Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long		0,18	0,18			Doanh nghiệp	Xã Long Thới	Doanh nghiệp		
3	DNTN xăng dầu Đạt Thành - Cờ số 3		0,03	0,03			Doanh nghiệp	Xã Hiếu Tử	Doanh nghiệp		

144

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
<b>V</b>	<b>Thị xã Duyên Hải</b>		<b>5,85</b>		<b>5,85</b>						
1	Khu tham quan du lịch nghỉ dưỡng Ba Động giai đoạn 2				5,85			Xã Trường Long Hòa	Công ty Cổ phần Đầu tư Kiên Giang SG		Khu A diện tích 3,90ha Khu C diện tích 1,95ha
<b>VI</b>	<b>Huyện Trà Cú</b>		<b>5,57</b>	<b>5,57</b>							
1	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên Hương lộ 12		0,07	0,07				Xã Ngọc Biên			
2	Cây xăng ấp Chợ xã Tập Sơn		0,10	0,10				Xã Tập Sơn			
3	Cây xăng đường Tỉnh lộ 915 thuộc ấp Xoài Lơ		0,30	0,30				Xã Lưu Nghiệp Anh			
4	Trang trại bò ấp Trà Tro A		1,00	1,00				Xã Hàm Giang			
5	Đầu tư xây dựng nhà xưởng ấp chợ		4,10	4,10			Vốn doanh nghiệp tự thỏa thuận chuyển nhượng	Xã Tập Sơn	Công ty TNHH một thành viên HS VINA		